BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **35** /2008/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2008*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 18/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và ngư dân

- Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

- Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 18/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và ngư dân;

- Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại văn bản số 1015/BNN-KTBVNL ngày 17/4/2008;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với ngư dân qui định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 1 Quyết định số 289/QĐ-TTg như sau:

I/ VỀ ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, MỨC, THỜI GIAN VÀ HỒ SƠ HỖ TRỢ CHO NGƯ DÂN

1. Hỗ trợ ngư dân mua mới, đóng mới tàu đánh bắt hải sản có công suất máy từ 90CV trở lên hoặc tàu cung ứng dịch vụ cho hoạt động khai thác hải sản.

a) Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ gồm:

- Ngư dân thực hiện mua mới, đóng mới tàu đánh bắt hải sản có công suất máy từ 90 CV trở lên.

- Ngư dân thực hiện mua mới, đóng mới tàu cung ứng dịch vụ cho tàu đánh bắt hải sản.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Tàu mua mới, đóng mới có công suất từ 90CV trở lên, đã hoàn thành thủ tục đăng kiểm, đăng ký, có giấy phép khai thác hải sản (đối với tàu đánh bắt hải sản) hoặc giấy đăng ký kinh doanh (đối với tàu làm dịch vụ), đã hoàn thành việc mua bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn cho thuyền viên.

- Tàu mua mới, đóng mới phải có máy mới 100% và đạt các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Ngư dân có địa chỉ cư trú hợp pháp, có hoạt động đánh bắt hải sản được Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn xác nhận.

c) Mức hỗ trợ: mỗi chiếc tàu mua mới, đóng mới được Nhà nước hỗ trợ 70.000.000 đồng/tàu/năm.

d) Thời gian thực hiện hỗ trợ:

- Đối với những tàu được mua mới, đóng mới trong năm 2008, thời gian được hỗ trợ từ năm 2008 đến 2010.

- Đối với tàu được mua mới, đóng mới trong năm 2009, thời gian được hỗ trợ từ năm 2009 đến 2010.

- Đối với tàu được mua mới, đóng mới trong năm 2010, thời gian được hỗ trợ trong năm 2010.

đ) Hồ sơ hỗ trợ

- Ngư dân thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ qui định tại điểm 1a, mục I, Thông tư này, đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định, lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ như sau:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ mua mới, đóng mới tàu có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về địa chỉ cư trú hợp pháp và có tiến hành hoạt động khai thác hải sản trên biển (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

+ Bản sao có công chứng hoặc xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về các giấy tờ: đăng ký lưu hành phương tiện đánh bắt hải sản, giấy đăng kiểm tàu, giấy phép khai thác hải sản đối với tàu đánh bắt hải sản hoặc giấy đăng ký kinh doanh đối với tàu làm dịch vụ, giấy chứng nhận bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn thuyền viên còn hiệu lực.

+ Bản sao về các giấy tờ liên quan đến việc xác định máy tàu mới 100% đạt các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật theo qui định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Việc hỗ trợ được tiến hành hàng năm, ngư dân đề nghị hỗ trợ cho năm nào thì lập hồ sơ cho năm đó (mỗi năm lập hồ sơ một lần).

2. Hỗ trợ ngư dân để thay máy tàu sang loại máy tiêu hao ít nhiên liệu hơn đối với tàu đánh bắt hải sản có công suất máy từ 40CV trở lên hoặc tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác hải sản.

a) Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ gồm:

Ngư dân là chủ sở hữu của tàu đánh bắt hải sản có công suất máy từ 40CV trở lên hoặc chủ sở hữu tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác hải sản khi thực hiện thay máy cũ, lắp máy mới có mức tiêu hao nhiên liệu ít hơn.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Tàu đánh bắt hải sản, tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác hải sản đã hoàn thành thủ tục đăng kiểm, đăng ký, có giấy phép khai thác hải sản, tham gia mua bảo hiểm thân tàu.

- Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn nơi ngư dân cư trú xác nhận hoạt động đánh bắt hải sản, hoạt động dịch vụ thường xuyên trên biển.

- Máy được lắp đặt phải mới 100% và đạt các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Mức hỗ trợ:

- Đối với máy tàu có công suất từ 40CV đến dưới 90CV: hỗ trợ 10.000.000 đồng/máy/năm.

- Đối với máy tàu có công suất từ 90CV trở lên: hỗ trợ 18.000.000 đồng/máy/năm.

d) Thời gian thực hiện hỗ trợ:

- Đối với những máy tàu mới được lắp đặt mới trong năm 2008, thời gian được hỗ trợ từ năm 2008 đến 2010.

- Đối với những máy tàu mới được lắp đặt mới trong năm 2009, thời gian được hỗ trợ từ năm 2009 đến 2010.

- Đối với những máy tàu mới được lắp đặt mới trong năm 2010, thời gian được hỗ trợ trong năm 2010.

Từ năm 2008 đến hết năm 2010, sau khi đã được Nhà hỗ trợ tiền thay máy mới 100%, ngư dân không được hỗ trợ để thay máy mới khác.

đ) Về hồ sơ hỗ trợ

- Ngư dân thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ qui định tại điểm 2a mục I Thông tư này, đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định, lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ như sau:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ thay máy tàu có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về địa chỉ cư trú hợp pháp và có tiến hành hoạt động khai thác hải sản thường xuyên trên biển (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

+ Bản sao có công chứng hoặc xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về các giấy tờ: đăng ký lưu hành phương tiện đánh bắt hải sản, giấy đăng kiểm tàu, giấy phép khai thác hải sản đối với tàu đánh bắt hải sản hoặc giấy

đăng ký kinh doanh đối với tàu dịch vụ cho hoạt động khai thác hải sản, giấy chứng nhận bảo hiểm thân tàu còn hiệu lực.

+ Bản sao về các giấy tờ liên quan đến máy mới 100% của tàu đạt các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật theo qui định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Biên bản kiểm tra kỹ thuật thay máy tàu.

- Việc đề nghị hỗ trợ được tiến hành theo năm, ngư dân đề nghị hỗ trợ cho năm nào thì lập hồ sơ cho năm đó (mỗi năm đề nghị hỗ trợ lập hồ sơ một lần).

3. Hỗ trợ về kinh phí bảo hiểm thân tàu cho tàu đánh bắt hải sản có công suất máy từ 40CV trở lên, tàu dịch vụ cho hoạt động khai thác hải sản và bảo hiểm tai nạn cho thuyền viên làm việc theo hợp đồng lao động trên các tàu cá, tàu dịch vụ.

a) Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ:

Ngư dân là chủ sở hữu các tàu đánh bắt hải sản có công suất từ 40CV trở lên đã mua bảo hiểm thân tàu, mua bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Tàu đánh bắt hải sản có công suất 40CV trở lên, tàu dịch vụ cho hoạt động khai thác hải sản đã hoàn thành thủ tục đăng kiểm, đăng ký, có giấy phép khai thác hải sản, tham gia mua bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

- Tàu đang hoạt động đánh bắt hải sản, tàu dịch vụ cho hoạt động khai thác hải sản, thuê thuyền viên có hợp đồng lao động tối thiểu từ 1 năm trở lên.

c) Mức hỗ trợ:

- Ngư dân là chủ sở hữu tàu đánh bắt hải sản, tàu dịch vụ cho hoạt động khai thác hải sản đã mua bảo hiểm thân tàu được hỗ trợ 30% số tiền phí bảo hiểm trong năm và thuyền viên được hỗ trợ 100% số tiền phí bảo hiểm tai nạn thuyền viên trong năm.

d) Thời gian thực hiện hỗ trợ:

- Ngư dân mua bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm tai nạn thuyền viên năm nào thì được hỗ trợ kinh phí năm đó.

- Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ về kinh phí bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn thuyền viên từ năm 2008 – 2010.

đ) Hồ sơ hỗ trợ:

- Đối với hỗ trợ phí bảo hiểm thân tàu: ngư dân lập hồ sơ như sau:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí bảo hiểm thân tàu của ngư dân có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về địa chỉ cư trú hợp pháp và có tiến

hành hoạt động khai thác hải sản, hoạt động dịch vụ trên biển (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

+ Bản sao có công chứng hoặc xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về các giấy tờ: đăng ký lưu hành phương tiện đánh bắt hải sản, giấy đăng kiểm tàu, giấy phép khai thác hải sản đối với tàu đánh bắt hải sản hoặc giấy đăng ký kinh doanh đối với tàu làm dịch vụ.

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm thân tàu còn hiệu lực ít nhất là 3 tháng của năm đề nghị hỗ trợ.

- Đối với hỗ trợ kinh phí bảo hiểm tai nạn thuyền viên: ngư dân lập hồ sơ như sau:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ về kinh phí bảo hiểm tai nạn thuyền viên của ngư dân có xác nhận Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về địa chỉ cư trú hợp pháp và có thuê lao động theo chế độ hợp đồng lao động trên các tàu cá (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

+ Bản sao hợp đồng lao động giữa thuyền viên và chủ tàu còn hiệu lực trong năm đề nghị hỗ trợ.

+ Bản sao về giấy chứng nhận bảo hiểm thuyền viên còn hiệu lực ít nhất là 3 tháng của năm đề nghị hỗ trợ.

- Việc đề nghị hỗ trợ được tiến hành theo năm, ngư dân đề nghị hỗ trợ phí bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm tai nạn thuyền viên cho năm nào thì lập hồ sơ cho năm đó (mỗi năm đề nghị hỗ trợ lập hồ sơ một lần).

4. Hỗ trợ về dầu cho ngư dân là chủ sở hữu tàu đánh bắt hải sản hoặc tàu cung ứng dịch vụ cho hoạt động khai thác hải sản.

a) Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ:

Ngư dân là chủ sở hữu tàu đánh đánh bắt hải sản hoặc tàu dịch vụ cho hoạt động khai thác hải sản có tiến hành hoạt động khai thác hải sản thường xuyên liên tục, nguồn thu từ đánh bắt hải sản là nguồn thu nhập chính.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Các chủ tàu có tàu đánh bắt hải sản, tàu dịch vụ hoạt động từ 6 tháng trong một năm trở lên, đã hoàn thành thủ tục mua bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm tai nạn thuyền viên, có đăng kiểm, đăng ký lưu hành phương tiện đánh bắt hải sản theo quy định của pháp luật.

- Có giấy phép khai thác hải sản; có địa chỉ cư trú hợp pháp được Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn xác nhận.

- Phải có xác nhận của chính quyền cấp xã và bộ đội biên phòng sau mỗi chuyến đi biển.

c) Mức hỗ trợ:

- Đối với tàu có công suất máy từ 90CV trở lên: hỗ trợ 8 triệu đồng cho một chuyến đi đánh bắt hải sản, số lần hỗ trợ theo số lần đi đánh bắt hải sản thực tế nhưng tối đa không quá 3 lần/năm.

- Đối với tàu có công suất máy từ 40CV đến dưới 90CV: hỗ trợ 5 triệu đồng cho một chuyến đi đánh bắt hải sản, số lần hỗ trợ theo số lần đi đánh bắt hải sản thực tế nhưng tối đa không quá 4 lần/năm.

- Đối với tàu có công suất máy dưới 40CV: hỗ trợ 3 triệu đồng/cho một chuyến đi đánh bắt hải sản, số lần hỗ trợ theo số lần đi đánh bắt hải sản thực tế nhưng tối đa không quá 5 lần/năm.

d) Thời gian hỗ trợ: thực hiện trong năm 2008.

đ) Về hồ sơ hỗ trợ

- Ngư dân thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ qui định tại điểm 4a mục I Thông tư này, đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định, lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ lần đầu trong năm 2008 như sau:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ về dầu có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về địa chỉ cư trú hợp pháp và có tiến hành hoạt động khai thác hải sản trên biển (theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này).

+ Bản sao có công chứng hoặc xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về các giấy tờ: đăng ký lưu hành phương tiện đánh bắt hải sản, giấy đăng kiểm, giấy phép khai thác hải sản đối với tàu đánh bắt hải sản hoặc giấy đăng ký kinh doanh đối với tàu làm dịch vụ, giấy chứng nhận bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn cho thuyền viên còn hiệu lực.

+ Bản sao sổ nhật ký khai thác hải sản và báo cáo hoạt động của chuyến đi biển, lấy xác nhận của đồn, trạm biên phòng trong các lần ra vào cảng cá, bến cá.

- Đối với hỗ trợ các lần tiếp theo trong năm 2008: Ngư dân lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ như sau:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về địa chỉ cư trú hợp pháp và có tiến hành hoạt động khai thác hải sản trên biển.

+ Bản sao sổ nhật ký khai thác hải sản và báo cáo hoạt động của chuyến đi biển, lấy xác nhận của đồn, trạm biên phòng trong các lần ra vào cảng cá, bến cá của chuyến đi biển.

II/ VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỖ TRỢ NGƯ DÂN.

1. Ngư dân sau khi hoàn thành việc đóng mới tàu, mua tàu mới, thay máy mới, mua bảo hiểm thân tàu, mua bảo hiểm thuyền viên hoặc sau khi kết thúc chuyến đi biển đánh bắt hải sản lập hồ sơ theo hướng dẫn tại mục I của Thông tư này gửi Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

2. Căn cứ vào hồ sơ do ngư dân lập, Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổng hợp danh sách và gửi toàn bộ hồ sơ cho phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện hoặc cấp tương đương. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện hoặc cấp tương đương chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của ngư dân.

Kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản và được lưu giữ tại cơ quan chủ trì thẩm định cùng với hồ sơ xin hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ xin hỗ trợ của ngư dân không đủ điều kiện theo qui định thì cơ quan thẩm định phải có văn bản thông báo cho ngư dân xin hỗ trợ để tiếp tục bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

3. Căn cứ kết quả thẩm định, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện hoặc cấp tương đương lập báo cáo trình Uỷ ban nhân dân huyện hoặc cấp tương đương xem xét ra quyết định về danh sách và mức hỗ trợ cho ngư dân.

- Đối với chính sách hỗ trợ qui định tại điểm 1, 2, 3 mục I Thông tư này, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện hoặc cấp tương đương lập quyết định về danh sách và mức hỗ trợ ngư dân hàng năm.

- Đối với chính sách hỗ trợ về dầu cho ngư dân qui định tại điểm 4 mục I Thông tư này, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện hoặc cấp tương đương lập quyết định về danh sách và mức hỗ trợ ngư dân theo đợt trong năm 2008, tối thiểu một Quí một lần.

- Quyết định về danh sách và mức hỗ trợ ngư dân được gửi cho các cơ quan:

+ Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Sở Tài chính.

+ Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng Tài chính, Kho bạc Nhà nước thuộc huyện.

+ Uỷ ban nhân dân xã, phường thị trấn nơi có ngư dân, thuyền viên được hỗ trợ.

4. Căn cứ quyết định hỗ trợ ngư dân của Uỷ ban nhân dân huyện, Uỷ ban nhân xã, phường, thị trấn niêm yết và công bố công khai tại trụ sở về danh sách và mức hỗ trợ cho ngư dân. Việc công bố công khai danh sách và mức hỗ trợ cho ngư dân thực hiện theo qui định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai hỗ trợ trực tiếp ngân sách Nhà nước đối với cá nhân, dân cư.

5. Căn cứ quyết định hỗ trợ ngư dân của Uỷ ban nhân dân huyện, Kho bạc Nhà nước huyện phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn thông báo công khai lịch cấp tiền hỗ trợ cho ngư dân, thuyền viên để ngư dân tới Kho bạc Nhà nước huyện làm thủ tục lĩnh tiền hỗ trợ.

6. Về thủ tục lĩnh tiền tại Kho bạc Nhà nước: Ngư dân căn cứ quyết định hỗ trợ của Uỷ ban nhân dân huyện và lịch cấp tiền hỗ trợ do Kho bạc Nhà nước thông báo để đến Kho bạc Nhà nước huyện để làm các thủ tục nhận tiền hỗ trợ. Để được nhận tiền hỗ trợ, ngư dân phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực để đối chiếu.

III/ XÂY DỰNG DỰ TOÁN, PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT, HẠCH TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ NGƯ DÂN.

1. Về xây dựng dự toán ngân sách.

- Cùng với thời gian lập dự toán ngân sách hàng năm, căn cứ danh sách số hộ ngư dân thuộc diện được hỗ trợ trên địa bàn huyện, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện hoặc tương đương chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính huyện xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách của toàn huyện, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách huyện hàng năm báo cáo Uỷ ban nhân dân huyện, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp vào dự toán chi ngân sách địa phương.

- Sở Tài chính phối hợp với các sở, ban ngành liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách của toàn tỉnh, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính cùng với dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm theo hướng dẫn của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách của các tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét cùng với dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

- Đối với năm 2008: Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, thống kê số lượng tàu đánh bắt hải sản, tàu dịch vụ cho hoạt động khai thác hải sản đang hoạt động và được quản lý trên địa bàn. Đồng thời, xác định số đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 1 Quyết định số 289/QĐ-TTg và dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện hỗ trợ trong năm 2008 báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ cho các địa phương theo đúng Quyết định số 289/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Phương thức cấp phát ngân sách.

- Hàng năm, Bộ Tài chính thực hiện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện chính sách theo quy định của Thông tư số 86/2006/TT-BTC ngày 18/9/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi (nếu có).

- Căn cứ dự toán hỗ trợ kinh phí được Thủ tướng Chính phủ giao và phần kinh phí ngân sách địa phương phải đảm bảo; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn lập phương án phân bổ kinh phí thực

hiện chính sách cho từng huyện, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Căn cứ dự toán chi hỗ trợ ngư dân được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Uỷ ban nhân dân tỉnh giao dự toán chi hỗ trợ ngư dân cho từng huyện cùng với dự toán ngân sách hàng năm.

- Căn cứ dự toán chi hỗ trợ ngư dân được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao, phòng Tài chính huyện phối hợp với phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn lập phương án phân bổ kinh phí, báo cáo Uỷ ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định. Căn cứ dự toán chi được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, danh sách các hộ ngư dân được hỗ trợ do phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn trình, Uỷ ban nhân dân huyện quyết định danh sách và mức hỗ trợ cho ngư dân, thuyền viên, gửi các cơ quan theo qui định tại điểm 3 mục II Thông tư này.

- Trường hợp kết thúc năm, kinh phí hỗ trợ cho ngư dân không sử dụng hết (nếu có) được chuyển sang năm sau để tiếp tục hỗ trợ, địa phương không được sử dụng cho mục đích khác. Trường hợp trong năm thiếu kinh phí, các địa phương chủ động ứng trước kinh phí để chi trả cho ngư dân, Ngân sách Trung ương (đối với các địa phương được Ngân sách Trung ương hỗ trợ) sẽ thực hiện bổ sung kinh phí vào dự toán năm sau. Khi kết thúc thời gian thực hiện chính sách, số kinh phí thừa (nếu có) sẽ thu hồi nộp trả Ngân sách Trung ương (đối với các địa phương được Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu).

3. Về hạch toán và quyết toán ngân sách:

Kinh phí hỗ trợ ngư dân theo Quyết định số 289/QĐ-TTg được hạch toán chương 3.160, loại 10, khoản 10, mục 123, tiểu mục 99 và tổng hợp vào quyết toán chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước

IV/ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Định kỳ hàng quý, hàng năm Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm lập báo cáo chi tiết về tình hình chi hỗ trợ cho ngư dân theo từng loại chính sách và từng đối tượng trên địa bàn theo Quyết định số 289/QĐ-TTg gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Nội dung báo cáo gồm: Tổng số tiền hỗ trợ trong kỳ, trong đó: hỗ trợ để mua mới, đóng tàu mới; hỗ trợ để thay máy mới; hỗ trợ kinh phí bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn thuyền viên; hỗ trợ về dầu.

3. Thời gian gửi báo cáo Quý chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc Quý; báo cáo năm sau 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

V/ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo và áp dụng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển.

2. Uỷ ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát toàn bộ việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng ngư dân theo đúng qui định tại Quyết định 289/QĐ-TTg.

- Chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn để chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ hỗ trợ ngư dân để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định hỗ trợ theo qui định tại mục II Thông tư này.

- Đối với năm 2008: chỉ đạo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động sử dụng ngân sách địa phương để cấp kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng được hưởng chính sách thông qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Công báo;
- Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc BTC;
- Kho bạc Nhà nước;
- Website CP, Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ TCNH.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ MUA MỚI, ĐÓNG MỚI TÀU CÁ, THAY MÁY TÀU MỚI CỦA NGƯ DÂN

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.....

Tôi tên là: .....

Số chứng minh nhân dân:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Là chủ tàu có số đăng lý:.....

Công suất máy chính: .....

Nghề khai thác:.....

Trong thời gian qua, tôi đã thực hiện đóng mới, mua mới (hoặc thay máy tàu mới) của chiếc tàu số .....

Căn cứ theo Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 18/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được hỗ trợ mua mới, đóng mới tàu, thay máy tàu mới năm 200.... với số tiền là: .....

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG
- Ông (bà)..... là chủ tàu số ..... hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương và đang hoạt động thường xuyên trên biển
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày .... tháng.... năn .....
Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA BẢO HIỂM THÂN TÀU VÀ BẢO HIỂM TAI NẠN THUYỀN VIÊN CỦA NGƯ DÂN

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.....

Tôi tên là: .....

Số chứng minh nhân dân:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Là chủ tàu có số đăng lý:.....

Công suất máy chính: .....

Nghề khai thác:.....

Trong thời gian qua, tôi đã thực hiện mua bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn thuyền viên năm 200.... cho chiếc tàu số .....

Số tiền mua bảo hiểm thân tàu là: .....

Số tiền đề nghị hỗ trợ 30% là: .....

Số tiền mua bảo hiểm tai nhạn thuyền viên là ..... cho..... lao động trên tàu

Số tiền đề nghị hỗ trợ bảo hiểm tai nạn thuyền viên là.....

Căn cứ theo Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 18/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được hỗ trợ phí bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn thuyền viên năm 200.... với số tiền là: .....

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG
- Ông (bà)..... là chủ tàu số ..... hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương và đang hoạt động thường xuyên trên biển
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày .... tháng.... năn .....
Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỀ DẦU CỦA NGƯ DÂN

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.....

Tôi tên là: .....

Số chứng minh nhân dân:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Là chủ tàu có số đăng lý:.....

Công suất máy chính: .....

Nghề khai thác:.....

Trong thời gian qua, tôi đã đánh bắt hải sản trên biển từ ngày ..... đến ngày .....

Tổng số ..... ngày

Căn cứ theo Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 18/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được hỗ trợ về dầu đợt ..... năm 2008 với số tiền là: .....

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG
- Ông (bà)..... là chủ tàu số ..... hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương và đang hoạt động thường xuyên trên biển
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày .... tháng.... năn .....
Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG
Xác nhận tàu số ..... có thời gian hoạt động trên biển từ ngày..... đến ngày .....
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)